TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 265/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 10 – 2019
"Về tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hứa Mnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thắng

2. Ông Bùi Xuân Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Huệ, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 599/2019/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trương Hồng M, sinh năm: 1993 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Lung Tr, xã Phong L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Cao Chiến L, sinh năm: 1992 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Rạch R, xã Khánh L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, quá trình hòa giải vụ án và tại phiên tòa, chị Trương Hồng M trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Cao Chiến L xác lập quan hệ hôn nhân và chung sống vợ chồng vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Phong L, huyện T, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức hỏi cưới theo phong tục, tập quán và được gia đình hai bên chấp thuận.

Quá trình chung sống, chị M cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị mua bán không có tiền mang về thì bị cha, mẹ chồng và chị chồng đai nghiến, cắn đắn nhưng chồng chị thì nghe theo bên chồng,

không bảo vệ được cuộc sống vợ, chồng của chị. Từ đó, tình cảm vợ, chồng xa cách, thường xuyên cải vã, không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Do đó, chị xét thấy tình cảm vợ, chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị M xác định giữa chị và anh L có 01 người con chung là Cao Hồng Ngh, sinh ngày 31/12/2013, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Nghi đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị M xác định vợ, chồng chị có tài sản chung nhưng chị không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị M khai giữa vợ, chồng chị có nợ nhưng chị không xác định được nợ của ai, ở đâu, số tiền bao nhiêu nên chị không thể cung cấp thông tin chủ nợ cho Toà án biết để mời làm việc.

* Quá trình hòa giải vụ án và tại phiên tòa, anh Cao Chiến L trình bày: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tình trạng tài sản chung, nợ chung đúng như chị M trình bày. Về mâu thuẫn thì anh xác định vợ, chồng anh không có mâu thuẫn gì. Sau khi cưới nhau, vợ chồng anh về sống chung với gia đình anh được vài tháng thì vợ, chồng anh qua Cái Nước mua bán, thỉnh thoảng mới về lại bên gia đình anh. Khi vợ anh sinh con nên ở nhà chăm sóc, từ đó mới xảy ra chuyện bất hòa. Hiện anh cho rằng vẫn còn thương vợ và cần có thêm thời gian để cảm thông, chia sẻ nhằm hàn gắn tình cảm vợ, chồng và nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, tại phiên tòa, anh L xác định: Do chị M cương quyết ly hôn, có níu kéo thì cũng không được hạnh phúc. Vì vậy, anh chấp nhận ly hôn với chị M. Khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị M nuôi, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ đến khi con anh đủ 18 tuổi. Về tài sản chung do anh, chị tự thỏa thuận; nợ chung anh L cũng không xác định được nợ của ai, ở đâu, số tiền bao nhiêu nên anh không thể cung cấp thông tin chủ nợ cho Toà án biết để mời làm việc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Về loại việc tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Tranh chấp giữa chị M và anh L là tranh chấp về ly hôn và nuôi con nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trương Hồng M và anh Cao Chiến L xác lập quan hệ vợ, chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán, có đăng ký kết hôn vào năm 2012 và đủ điều kiện kết hôn theo luật định nên hôn nhân được chấp nhận là hợp pháp và được pháp luật công nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống, do vợ, chồng có nhiều điểm bất đồng trong mối quan hệ kinh tế, dẫn đến tình cảm sức mẻ, không quan tâm, chăm sóc, cảm thông, chia sẻ lẫn nhau. Xét mâu thuẫn thực tế là có nhiều mâu thuẫn, nhận thấy về mục đích hôn nhân không đạt. Bởi lẽ, theo chị M

xác định vợ chồng chị mua bán không có tiền mang về cho cha, mẹ chồng thì bị cha, mẹ chồng và chị chồng đai nghiên, cắn đắn; anh L cho rằng, trong cuộc sống vợ chồng, anh, chị mỗi người đều có cách sống, cách nghĩ khác nhau, anh L thường xuyên đi mua bán, ít khi có nhà; còn chị M ở nhà chăm sóc con, không gần gũi và cảm thông. Từ đó, giữa vợ, chồng đã nhiều lần cải vã, làm mất lòng tin đối với nhau, mỗi người có cuộc sống và mối quan hệ riêng tư, không quan tâm, giúp đở lẫn nhau. Mặt khác, sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh, chị cũng tự dung hoà để hàn gắn tình cảm vợ, chồng nhưng không có hiệu quả. Vì vậy, anh, chị đã tự sống ly thân nhiều tháng nay. Thời gian này để cho anh, chị có điều kiện thử thách bản thân, suy ngẫm về cuộc sống vợ, chồng đã qua nhằm tìm cách tháo gỡ, khắc phục khuyết điểm của mỗi bên để vợ, chồng đoàn tụ nhưng không ai có biện pháp gì để khắc phục tình trạng mâu thuẫn và cũng không quan tâm, thăm hỏi, giúp đỡ lẫn nhau. Hơn nữa, tự bản thân anh L cũng biết rõ là không thể chung sống với chị M được nữa nên tại phiên tòa anh đồng ý ly hôn với chị M. Bên cạnh đó, chị M cương quyết ly hôn, nếu không được xem xét thì chị cũng không thể quay lại chung sống với anh L, vì tình cảm không còn và tương lai, hạnh phúc cũng không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử công nhận cho chị M và anh L được thuận tình ly hôn là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị M và anh L xác định giữa chị và anh có 01 người con chung là Cao Hồng Ngh, sinh ngày 31/12/2013, hiện đang sống chung với chị M. Khi ly hôn, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi cháu Ngh đủ 18 tuổi. Anh L đồng ý giao con cho chị M nuôi, anh chỉ thống nhất cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000đ. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện anh L chưa có công việc và thu nhập ổn định nên yêu cầu của chị M buộc anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ là cao so với khả năng tài chính của anh L. Mặt khác, theo tinh thần hướng dẫn tại công văn số: 16/1999/KHXX ngày 01/9/1999 của Tòa án nhân dân tối cao thì mức phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới ½ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con. Mức lương cơ sở hiện nay do Nhà nước quy định đối với các cơ quan hành chính sự nghiệp là 1.490.000đ. Vì vậy, buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ngh mỗi tháng 745.000đ là có căn cứ.

[4] Về tài sản chung: Chị M và anh L cho rằng tài sản chung để anh và chị tự thỏa thuận nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị M và anh L khai rằng anh, chị có nợ nhưng không xác định được thiếu nợ của ai, ở đâu, số tiền bao nhiêu nên anh, chị không thể cung cấp thông tin chủ nợ cho Toà án biết để mời làm việc. Vì vậy, khoản nợ của chị M và anh L không thể xem xét trong vụ án này nên được tách ra, khi nào các chủ nợ có yêu cầu sẽ xem xét thành vụ kiện khác.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Án

phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc anh L phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, Mễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trương Hồng M và anh Cao Chiến L.

2. Về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thống nhất của chị M và anh L tiếp tục giao cháu Cao Hồng Ngh, sinh ngày 31/12/2013 cho chị Trương Hồng M trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Cao Chiến L cấp dưỡng nuôi cháu Ngh mỗi tháng 745.000đ. Thời hạn cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Ngh đủ 18 tuổi. Anh L không trực tiếp nuôi con vẫn được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày chị M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về tài sản chung: Chị M và anh L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Không đề cập giải quyết trong vụ án này.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị M phải chịu 300.000đ. Ngày 05 tháng 9 năm 2019, chị M đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 2639 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được đối trừ chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con buộc anh L phải chịu 300.000đ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị M và anh L được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong L, huyện T;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Hứa Mnh Hải